QUY TẮC BẢO HIỂM VẬT CHẤT XE Ô TÔ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 5688 /QĐ-BHBV ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt)

LƯU Ý QUAN TRỌNG

Quý khách hàng xin vui lòng kiểm tra và đọc kỹ để chắc chắn rằng Quý khách hàng đã hiểu toàn bộ các nội dung được quy định trong Quy tắc bảo hiểm này. Xin lưu ý, việc Quý khách hàng ký vào Giấy yêu cầu bảo hiểm hoặc xác nhận yêu cầu bảo hiểm điện tử/cung cấp mã xác thực (OTP) là bằng chứng xác nhận việc Quý khách hàng đã hiểu rõ tất cả các nội dung được quy định trong Quy tắc này.

Khi xảy ra sự kiện bảo hiểm, Quý khách hàng vui lòng thông báo ngay cho BẢO VIỆT để được hỗ trợ và hướng dẫn khắc phục hậu quả tai nạn, giải quyết quyền lợi bảo hiểm cho Quý khách.

MỤC LỤC

PHẦN I: GIẢI THÍCH TỪ NGỮ 2
PHẦN II: QUY ĐỊNH CHUNG 3
Điều 1. Hợp đồng bảo hiểm 3
Điều 2. Thời hạn bảo hiểm và quy định về thanh toán Phí bảo hiểm 3
Điều 3. Chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm 3
Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của BẢO VIỆT 4
Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm 5
Điều 6. Giám định thiệt hại 7
Điều 7. Hồ sơ bồi thường 8
Điều 8. Bảo hiểm trùng 9
Điều 9. Thời hạn yêu cầu bồi thường, khiếu nại và thời hiệu khởi kiện 9
PHẦN III: QUY ĐỊNH CỤ THỂ 10
Điều 10. Phạm vi bảo hiểm 10
Điều 11. Loại trừ trách nhiệm bảo hiểm 10
Điều 12. Số tiền bảo hiểm và giá trị bảo hiểm (giá thị trường) 11
Điều 13. Giải quyết quyền lợi bảo hiểm 12
Điều 14. Mức khấu trừ 13
Điều 15. Giảm trừ bồi thường 13
PHẦN IV: ĐIỀU KHOẢN BỔ SUNG 15
Điều 16. Bảo hiểm không khấu hao thay mới (BVVC01) 15
Điều 17. Bảo hiểm sửa chữa xe tại garage chính hãng (BVVC02) 15
Điều 18. Bảo hiểm xe bị ngập nước (BVVC03) 15
Điều 19. Bảo hiểm mất cắp bộ phận (BVVC04): 16
Điều 20. Bảo hiểm thanh toán chi phí thuê xe (BVVC05) 16
Điều 21. Bảo hiểm bồi thường theo giới hạn trách nhiệm (BVVC06) 17
Điều 22. Bảo hiểm thiệt hại xảy ra ngoài lãnh thổ Việt Nam (BVVC07) 17
Điều 23.Các điều khoản bổ sung khác 17

PHẦN I: GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

Trong Quy tắc bảo hiểm Vật Chất xe ô tô này, các thuật ngữ "in đậm" được hiểu như sau:

1. "**BẢO VIỆT**" là Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật.
2. "**Bên mua bảo hiểm**" là tổ chức hoặc cá nhân sở hữu xe được bảo hiểm hoặc được Chủ sở hữu xe được bảo hiểm giao chiếm hữu và/hoặc sử dụng hợp pháp giao kết Hợp đồng bảo hiểm với BẢO VIỆT và đóng đầy đủ phí bảo hiểm. Bên mua bảo hiểm có thể đồng thời là Người được bảo hiểm hoặc Người thụ hưởng.
3. "**Cháy**" là phản ứng hoá học giữa chất cháy và ô xy trong không khí có sự toả nhiệt và phát ánh sáng.
4. "**Giá thị trường**" là giá mua bán của chiếc xe tương tự cùng năm sản xuất, cùng hãng sản xuất (make), cùng mẫu xe (model), cùng mục đích sử dụng được chào bán trên thị trường ngay tại thời điểm xác định Giá thị trường của xe được bảo hiểm.
5. "**Giấy chứng nhận kiểm định**" là Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
6. "**Giấy yêu cầu bảo hiểm**" là giấy theo mẫu của BẢO VIỆT để khách hàng cung cấp thông tin khi yêu cầu bảo hiểm. Giấy yêu cầu bảo hiểm bao gồm mẫu in sẵn (bản cứng) hoặc Giấy yêu cầu bảo hiểm điện tử. Giấy yêu cầu bảo hiểm điện tử được BẢO VIỆT tạo ra bằng phương tiện điện tử trên cơ sở cung cấp thông tin của Bên mua bảo hiểm. Người mua bảo hiểm xác nhận yêu cầu bảo hiểm điện tử hoặc cung cấp mã xác thực (OTP) có giá trị như ký xác nhận yêu cầu trên bản cứng.
7. **"Hợp đồng bảo hiểm"** có ý nghĩa như được định nghĩa tại Điều 1 của Phần II của Quy tắc bảo hiểm này.
8. "**Người điều khiển xe**" là Người lái xe được bảo hiểm với sự đồng ý của Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm.
9. "**Người được bảo hiểm**" là cá nhân hoặc tổ chức có thông tin được quy định trên Giấy chứng nhận bảo hiểm/Đơn bảo hiểm.
10. **"Nổ"** là hiện tượng cháy xảy ra với tốc độ nhanh làm hỗn hợp khí xung quanh giãn nở đột biến sinh công gây nổ (không bao gồm nổ lý học là những trường hợp nổ do áp suất trong một thể tích tăng lên quá cao, thể tích đó không chịu được áp lực nên bị nổ).
11. "**Phí bảo hiểm**" là khoản tiền mà Bên mua bảo hiểm phải thanh toán cho BẢO VIỆT theo thời hạn và phương thức do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng bảo hiểm.
12. "**Thời gian sử dụng xe**" là khoảng thời gian tính từ tháng đăng ký lần đầu đến tháng bắt đầu hiệu lực bảo hiểm. Trường hợp không xác định được tháng đăng ký lần đầu, thời gian sử dụng sẽ tính từ tháng sáu của năm sản xuất đến tháng Hợp đồng bảo hiểm bắt đầu có hiệu lực.
13. **"Trọng tải"**: là khối lượng hàng chuyên chở (CC) theo thiết kế/cho phép tham gia giao thông (TK/CP TGGT) hoặc khối lượng kéo theo theo thiết kế/cho phép tham gia giao thông quy định trong Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện cơ giới đường bộ.

14. "**Xe ô tô/Xe**": là loại phương tiện giao thông cơ giới đường bộ chạy bằng động cơ của chính chiếc xe đó; bao gồm các loại xe đã được quy định theo TCVN phương tiện giao thông đường bộ - kiểu - thuật ngữ và định nghĩa hiện hành; không bao gồm xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy, xe đạp điện, xe máy điện.

PHẦN II: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Hợp đồng bảo hiểm

Hợp đồng bảo hiểm xe ô tô là sự thoả thuận giữa Bên mua bảo hiểm và BẢO VIỆT, theo đó Bên mua bảo hiểm phải đóng Phí bảo hiểm, BẢO VIỆT phải bồi thường cho Người được bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm, được lập thành văn bản và được cấu thành bởi các tài liệu sau (sau đây gọi tắt là **"Hợp đồng bảo hiểm"**):

1.1 Giấy yêu cầu bảo hiểm của Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm hoặc người đại diện hợp pháp của Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm; Trường hợp Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm hoặc người đại diện hợp pháp của Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm yêu cầu bảo hiểm không ký vào Giấy yêu cầu bảo hiểm, nhưng đã nộp phí bảo hiểm thì có nghĩa đã đồng ý với thông tin ghi trên Hợp đồng bảo hiểm mà BẢO VIỆT cấp cho Người được bảo hiểm;

1.2 Quy tắc bảo hiểm này;

1.3 Giấy chứng nhận bảo hiểm/Đơn bảo hiểm là bằng chứng ký kết Hợp đồng bảo hiểm;

1.4 (Các) thỏa thuận bằng văn bản khác (nếu có);

1.5 (Các) điều khoản sửa đổi, bổ sung (nếu có) là một bộ phận của Hợp đồng bảo hiểm, được lập thành văn bản để sửa đổi, bổ sung các điều khoản trong Hợp đồng bảo hiểm.

Điều 2. Thời hạn bảo hiểm và quy định về thanh toán Phí bảo hiểm

2.1 Thời hạn bảo hiểm bắt đầu và kết thúc được ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm/Đơn bảo hiểm (sau đây gọi tắt là "**Thời hạn bảo hiểm**").

2.2 Hợp đồng bảo hiểm chỉ có hiệu lực với điều kiện là Bên mua bảo hiểm đã thanh toán đầy đủ Phí bảo hiểm, trừ trường hợp BẢO VIỆT có thỏa thuận khác bằng văn bản với Bên mua bảo hiểm về thời hạn thanh toán Phí bảo hiểm.

2.3 Trường hợp Bên mua bảo hiểm không thanh toán đầy đủ Phí bảo hiểm và không có bất kỳ thỏa thuận về thời hạn thanh toán Phí bảo hiểm quy định tại Khoản 2.2 của Điều này thì Hợp đồng bảo hiểm sẽ tự động chấm dứt hiệu lực.

2.4 Trong Thời hạn bảo hiểm, trường hợp có sự chuyển quyền sở hữu xe được bảo hiểm, Hợp đồng bảo hiểm mặc nhiên có hiệu lực đối với chủ xe mới và chấm dứt hiệu lực với chủ xe cũ, trừ trường hợp chủ xe cũ yêu cầu chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm.

Điều 3. Chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm

Hợp đồng bảo hiểm chấm dứt trong các trường hợp sau đây:

3.1 Chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm vì vi phạm thời hạn thanh toán theo Khoản 2.3 của Điều 2 Quy tắc bảo hiểm này:

3.1.1 Hợp đồng bảo hiểm sẽ chấm dứt hiệu lực vào ngày kế tiếp ngày Bên mua bảo hiểm phải thanh toán Phí bảo hiểm theo quy định đã thỏa thuận tại Hợp đồng giao kết ban đầu nhưng Bên mua bảo hiểm không thanh toán đầy đủ Phí bảo hiểm

và BẢO VIỆT không có thỏa thuận cho Bên mua bảo hiểm nợ phí theo quy định pháp luật.

3.1.2 Bên mua bảo hiểm phải có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ Phí bảo hiểm theo thỏa thuận tại Hợp đồng bảo hiểm. Trong thời hạn năm (05) ngày kể từ ngày Hợp đồng bảo hiểm chấm dứt hiệu lực, BẢO VIỆT sẽ hoàn lại cho Bên mua bảo hiểm phần Phí bảo hiểm đã đóng thừa (nếu có) hoặc yêu cầu Bên mua bảo hiểm thanh toán đầy đủ Phí bảo hiểm từ thời điểm bắt đầu hiệu lực bảo hiểm đến thời điểm chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm. BẢO VIỆT không hoàn phí bảo hiểm trong trường hợp đã phát sinh trách nhiệm bồi thường.

3.1.3 Hợp đồng bảo hiểm tiếp tục có hiệu lực khi Bên mua bảo hiểm thanh toán đủ phí bảo hiểm và phải được BẢO VIỆT chấp thuận bằng văn bản. Thời điểm Hợp đồng tiếp tục có hiệu lực được quy định trên văn bản chấp thuận.

3.2 Đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng bảo hiểm:

3.2.1 Trong thời hạn bảo hiểm, một trong hai bên có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng bảo hiểm theo quy định pháp luật bằng cách thông báo bằng văn bản cho bên kia, trong đó xác định rõ thời điểm chấm dứt của Hợp đồng bảo hiểm. Nếu văn bản thông báo không xác định rõ thời điểm chấm dứt của Hợp đồng bảo hiểm thì Hợp đồng bảo hiểm sẽ chấm dứt vào ngày của văn bản thông báo đó.

3.2.2 Trường hợp Bên mua bảo hiểm chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trước hạn phải thông báo bằng văn bản cho BẢO VIỆT. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Bên mua bảo hiểm, BẢO VIỆT phải hoàn lại cho Bên mua bảo hiểm bảy mươi phần trăm (70%) Phí bảo hiểm tương ứng với thời gian còn lại của Hợp đồng bảo hiểm. BẢO VIỆT không phải hoàn phí bảo hiểm trong trường hợp đã xảy ra sự kiện bảo hiểm và phát sinh trách nhiệm bồi thường bảo hiểm trước khi Hợp đồng bảo hiểm bị chấm dứt.

3.2.3 Đối với Hợp đồng bảo hiểm cho nhóm xe, việc hoàn phí được xem xét theo từng xe: trường hợp xe thuộc hợp đồng nhóm chưa phát sinh trách nhiệm bồi thường thì được áp dụng hoàn phí theo tỷ lệ quy định tại điểm 3.2.2 trên đây.

3.2.4 Trường hợp BẢO VIỆT đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng bảo hiểm, trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày BẢO VIỆT thông báo bằng văn bản cho Bên mua bảo hiểm, BẢO VIỆT phải hoàn lại một trăm phần trăm (100%) Phí bảo hiểm cho Bên mua bảo hiểm tương ứng với thời gian còn lại của Hợp đồng bảo hiểm.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của BẢO VIỆT

4.1 BẢO VIỆT có quyền:

4.1.1 Thu Phí bảo hiểm theo thoả thuận trong Hợp đồng bảo hiểm;

4.1.2 Kiểm tra, đánh giá tình trạng xe, yêu cầu Bên mua bảo hiểm cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin liên quan đến việc giao kết và thực hiện Hợp đồng bảo hiểm;

4.1.3 Từ chối bồi thường cho Người được bảo hiểm trong trường hợp không thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm hoặc trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm theo thoả thuận trong Hợp đồng bảo hiểm;

4.1.4 Yêu cầu Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm áp dụng các biện pháp đề phòng, hạn chế thiệt hại theo quy định của Hợp đồng bảo hiểm và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

4.1.5 Yêu cầu người thứ ba bồi hoàn số tiền bảo hiểm mà BẢO VIỆT đã bồi thường cho Người được bảo hiểm do người thứ ba gây ra đối với chiếc xe ô tô được bảo hiểm;

4.1.6 Giảm trừ số tiền bồi thường trong trường hợp Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm, Người điều khiển xe vi phạm các quy định trong Khoản 5.2, Điều 5 của Quy tắc bảo hiểm này; Mức giảm trừ quy định trong Quy tắc bảo hiểm này hoặc trên Giấy chứng nhận bảo hiểm/Đơn bảo hiểm.

4.1.7 Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

4.2 BẢO VIỆT có nghĩa vụ:

4.2.1 Giải thích cho Bên mua bảo hiểm về điều kiện, điều khoản bảo hiểm; quyền và nghĩa vụ của Bên mua bảo hiểm khi tham gia bảo hiểm;

4.2.2 Cấp cho Bên mua bảo hiểm Giấy chứng nhận bảo hiểm, Đơn bảo hiểm sau khi giao kết Hợp đồng bảo hiểm;

4.2.3 Trả tiền bồi thường bảo hiểm trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ khi nhận được hồ sơ yêu cầu bồi thường đầy đủ, hợp lệ từ Người được bảo hiểm; không quá ba mươi (30) ngày trong trường hợp BẢO VIỆT phải tiến hành xác minh hồ sơ;

Trong trường hợp BẢO VIỆT không đủ thẩm quyền để xác minh các yếu tố trong hồ sơ thì hồ sơ bồi thường được coi là đầy đủ và hợp lệ sau khi có kết luận chính thức của cơ quan chức năng có thẩm quyền. Sau chín mươi (90) ngày kể từ ngày BẢO VIỆT có văn bản đề nghị cơ quan chức năng có thẩm quyền tiến hành xác minh mà chưa có kết quả xác minh thì BẢO VIỆT phải chủ động tiến hành xem xét giải quyết bồi thường trên cơ sở tài liệu, chứng cứ thu thập được;

4.2.4 Trường hợp từ chối bồi thường, BẢO VIỆT phải gửi văn bản nêu lý do từ chối bồi thường trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày BẢO VIỆT nhận được đầy đủ hồ sơ bồi thường hợp lệ;

4.2.5 Đối với những vụ tai nạn nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng, khi có yêu cầu của Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm, BẢO VIỆT sẽ phối hợp giải quyết ngay và khi đã xác định trách nhiệm thuộc phạm vi bảo hiểm có thể tạm ứng ngay một phần những chi phí cần thiết nhằm khắc phục hậu quả thiệt hại;

4.2.6 BẢO VIỆT có trách nhiệm hướng dẫn Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm thu thập tài liệu để lập hồ sơ bồi thường theo quy định tại Điều 7 của Quy tắc bảo hiểm này;

4.2.7 BẢO VIỆT có trách nhiệm đánh giá lại rủi ro và định Phí bảo hiểm trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo thay đổi các yếu tố liên quan đến rủi ro của xe được bảo hiểm và có trách nhiệm hoàn phí hoặc thu thêm phí theo tỷ lệ tương ứng với thời hạn còn lại của Hợp đồng bảo hiểm;

4.2.8 Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm

5.1 Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm có quyền:

5.1.1 Yêu cầu BẢO VIỆT giải thích các điều kiện, điều khoản bảo hiểm; cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc Đơn bảo hiểm;

5.1.2 Yêu cầu BẢO VIỆT bồi thường theo thoả thuận trong Hợp đồng bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm;

5.1.3 Chuyển nhượng Hợp đồng bảo hiểm theo thoả thuận trong Hợp đồng bảo hiểm hoặc theo quy định của pháp luật;

5.1.4 Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

5.2 Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm có nghĩa vụ:

5.2.1 Đóng Phí bảo hiểm đầy đủ, theo thời hạn và phương thức đã thỏa thuận trong Hợp đồng bảo hiểm;

5.2.2 Khi yêu cầu bảo hiểm, phải kê khai đầy đủ, trung thực những nội dung trong Giấy yêu cầu bảo hiểm;

5.2.3 Tạo điều kiện thuận lợi để BẢO VIỆT xem xét tình trạng xe trước khi hai bên giao kết Hợp đồng bảo hiểm;

5.2.4 Trường hợp thay đổi mức độ rủi ro được bảo hiểm (bao gồm thay đổi mục đích sử dụng, kết cấu xe, phạm vi hoạt động, thay đổi chủ sở hữu của xe được bảo hiểm), Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm phải thông báo cho BẢO VIỆT trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày có sự thay đổi đó:

a) Khi có sự thay đổi dẫn đến giảm các rủi ro được bảo hiểm thì Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm yêu cầu BẢO VIỆT giảm Phí bảo hiểm cho thời gian còn lại của Hợp đồng bảo hiểm. Trong vòng năm (05) ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu giảm phí của Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm, BẢO VIỆT phải có văn bản trả lời Bên mua bảo hiểm về việc chấp thuận hoặc không chấp thuận việc giảm Phí bảo hiểm;

Trong trường hợp BẢO VIỆT không chấp nhận giảm Phí bảo hiểm thì Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng bảo hiểm theo quy định tại Khoản 3.2, Điều 3 của Quy tắc bảo hiểm này;

b) Khi có sự thay đổi dẫn đến tăng các rủi ro được bảo hiểm thì BẢO VIỆT sẽ tính lại phí bảo hiểm cho thời gian còn lại của Hợp đồng bảo hiểm. Trong trường hợp Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm không chấp nhận tăng Phí bảo hiểm thì BẢO VIỆT có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng bảo hiểm theo quy định tại Khoản 3.2, Điều 3 của Quy tắc bảo hiểm này;

5.2.5 Tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn giao thông đường bộ;

5.2.6 Khi xảy ra thiệt hại, Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm, Người điều khiển xe phải có nghĩa vụ:

a) Thông báo ngay cho Tổng đài dịch vụ chăm sóc khách hàng của BẢO VIỆT để phối hợp giải quyết, tích cực cứu chữa, hạn chế thiệt hại về người và tài sản, giữ nguyên hiện trường thiệt hại; đồng thời thông báo cho cơ quan Công an hoặc chính quyền địa phương nơi gần nhất (trừ trường hợp bất khả kháng);

b) Không được di chuyển, tháo dỡ hoặc sửa chữa tài sản khi chưa có ý kiến chấp thuận của BẢO VIỆT (trừ trường hợp cần thiết để đảm bảo an toàn, đề phòng hạn chế thiệt hại về người và tài sản hoặc phải thi hành theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền);

c) Trong thời hạn năm (05) ngày kể từ ngày xảy ra thiệt hại (trừ trường hợp bất khả kháng) phải thông báo thiệt hại bằng văn bản cho BẢO VIỆT hoặc các hình thức khác theo quy định của BẢO VIỆT.

5.2.7 Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm, Người điều khiển xe phải trung thực trong việc thu thập, cung cấp các thông tin, tài liệu, chứng từ trong hồ sơ bồi thường và tạo điều kiện thuận lợi cho BẢO VIỆT trong quá trình xác minh tính chân thực của các thông tin, tài liệu, chứng từ đó;

5.2.8 Trường hợp thiệt hại xảy ra có liên quan đến trách nhiệm của người thứ ba, Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm, Người điều khiển xe phải thực hiện các biện pháp để bảo lưu quyền khiếu nại và chuyển quyền đòi bồi thường cho BẢO VIỆT kèm theo toàn bộ hồ sơ, các căn cứ, tài liệu cần thiết và hợp tác chặt chẽ với BẢO VIỆT để đòi lại người thứ ba trong phạm vi số tiền đã hoặc sẽ được BẢO VIỆT bồi thường;

5.2.9 Đối với các thiệt hại dẫn đến phải thay thế và được BẢO VIỆT chấp thuận bồi thường, Người được bảo hiểm sau khi thực hiện xong công việc thay thế phải có trách nhiệm bàn giao tài sản đã được thay thế cho BẢO VIỆT;

5.2.10 Khi xe ô tô bị mất trộm hoặc mất cướp toàn bộ, Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm phải thông báo ngay (trong vòng 24 giờ) cho cơ quan Công an và BẢO VIỆT được biết để xử lý và thực hiện các công việc theo hướng dẫn của cơ quan Công an và BẢO VIỆT;

5.2.11 Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Giám định thiệt hại

6.1 Khi xảy ra tai nạn, BẢO VIỆT hoặc người được BẢO VIỆT ủy quyền thực hiện việc giám định thiệt hại về tài sản với sự có mặt của Người được bảo hiểm, Người điều khiển xe, các bên có liên quan hoặc người đại diện hợp pháp của các bên có liên quan nhằm xác định nguyên nhân và mức độ thiệt hại. Kết quả giám định phải lập thành văn bản có chữ ký của các bên liên quan. BẢO VIỆT chịu trách nhiệm về chi phí giám định thiệt hại.

6.2 Trường hợp các bên không thống nhất về nguyên nhân và mức độ thiệt hại, có thể thỏa thuận chọn cơ quan giám định độc lập trừ trường hợp có thỏa thuận khác trong Hợp đồng bảo hiểm. Trong trường hợp các bên không thỏa thuận được việc trưng cầu giám định độc lập thì một trong các bên được yêu cầu Toà án nơi xảy ra thiệt hại hoặc nơi cư trú của Người được bảo hiểm chỉ định giám định độc lập. Kết luận của giám định độc lập có giá trị bắt buộc đối với các bên.

6.3 Trường hợp kết luận của giám định độc lập khác với kết luận giám định của BẢO VIỆT, BẢO VIỆT phải trả chi phí giám định độc lập. Trường hợp kết luận của giám định độc lập trùng với kết luận giám định của BẢO VIỆT, Người được bảo hiểm, Người điều khiển xe phải trả chi phí giám định độc lập.

6.4 Trong trường hợp đặc biệt, BẢO VIỆT không thể thực hiện được việc giám định thì BẢO VIỆT có trách nhiệm hướng dẫn Người được bảo hiểm, Người điều khiển xe

thu thập đầy đủ thông tin chi tiết về nguyên nhân, diễn biến, mức độ thiệt hại cùng các chứng từ, ảnh chụp thiệt hại và tài liệu liên quan để làm căn cứ xác định bồi thường.

Điều 7. Hồ sơ bồi thường

Đối với từng vụ việc cụ thể thì Hồ sơ bồi thường bao gồm một hoặc nhiều loại tài liệu sau:

7.1 Tài liệu do Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm cung cấp:

7.1.1 Thông báo tai nạn và yêu cầu bồi thường (theo mẫu của BẢO VIỆT);

7.1.2 Tài liệu liên quan đến xe, người điều khiển xe (bản sao có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền hoặc bản sao có xác nhận của nhân viên BẢO VIỆT sau khi đã đối chiếu với bản chính) như sau:

a) Giấy chứng nhận bảo hiểm/Đơn bảo hiểm và các thỏa thuận khác bằng văn bản (nếu có);

b) Giấy đăng ký xe (có thể sử dụng bản sao còn hiệu lực của ngân hàng/các tổ chức tín dụng), Giấy phép lái xe hợp lệ của người điều khiển xe bị thiệt hại;

c) Các giấy tờ liên quan đến mua bán, chuyển nhượng, cho, tặng, uỷ quyền sử dụng xe (nếu có);

d) Giấy chứng nhận kiểm định còn hiệu lực (trừ trường hợp xe lưu hành tạm thời có văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền hoặc hoạt động trong thời gian thực hiện thủ tục đăng ký, kiểm định lần đầu tiên tại Việt Nam).

7.1.3 Tài liệu chứng minh thiệt hại về tài sản, bao gồm:

a) Chứng từ hợp lệ về việc sửa chữa, thay mới tài sản bị thiệt hại;

b) Các giấy tờ chứng minh chi phí cần thiết và hợp lý mà Người được bảo hiểm đã chi ra để giảm thiểu thiệt hại hay để thực hiện theo chỉ dẫn của BẢO VIỆT.

7.1.4 Biên bản thỏa thuận/hòa giải (trong trường hợp hòa giải);

7.1.5 Bản án hoặc Quyết định có hiệu lực của Tòa án (nếu có);

7.1.6 Các tài liệu cần thiết để chuyển quyền cho BẢO VIỆT đòi bồi thường từ bên gây thiệt hại cho xe được bảo hiểm mà Người được bảo hiểm đã được BẢO VIỆT nhận trách nhiệm bồi thường thiệt hại hoặc đã giải quyết bồi thường thiệt hại này (trong trường hợp đòi người thứ ba).

7.2 Tài liệu do BẢO VIỆT phối hợp với Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm để thu thập:

7.2.1 Bản sao có xác nhận của cơ quan công an trong trường hợp tai nạn có sự tham gia giải quyết của cơ quan công an, bao gồm:

a) Biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn (nếu có);

b) Sơ đồ hiện trường tai nạn, bản ảnh (nếu có);

c) Biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến tai nạn (nếu có);

d) Thông báo sơ bộ kết quả điều tra ban đầu vụ tai nạn (nếu có);

e) Biên bản giải quyết tai nạn (nếu có); Bản kết luận điều tra tai nạn (nếu có).

7.2.2 Các tài liệu liên quan đến trách nhiệm của người thứ ba (trường hợp thiệt hại xảy ra có liên quan đến trách nhiệm của người thứ ba):

a) Tài liệu liên quan đến lỗi và trách nhiệm của người thứ ba;

b) Tài liệu liên quan đến việc thế quyền của Người được bảo hiểm.

7.2.3 Biên bản giám định nguyên nhân và mức độ thiệt hại được các bên thống nhất.

7.3 Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

7.4 Trường hợp xe bị mất trộm, mất cướp toàn bộ thì người được bảo hiểm, Người điều khiển xe cần cung cấp các tài liệu sau:

7.4.1 Đơn trình báo mất trộm, mất cướp với cơ quan Công an có xác nhận của cơ quan Công an;

7.4.2 Quyết định khởi tố và điều tra hình sự (nếu có) liên quan đến mất trộm, mất cướp ô tô được bảo hiểm;

7.4.3 Quyết định đình chỉ điều tra, đình chỉ khởi tố vụ án hình sự liên quan đến mất trộm, mất cướp ô tô được bảo hiểm;

7.4.4 Khai báo bị mất giấy tờ, tài liệu liên quan đến xe bị mất cắp, mất cướp khi để trên xe có xác nhận của cơ quan Công an.

Điều 8. Bảo hiểm trùng

Hợp đồng bảo hiểm trùng là trường hợp Bên mua bảo hiểm giao kết Hợp đồng bảo hiểm với hai doanh nghiệp bảo hiểm trở lên để bảo hiểm cho cùng một đối tượng, cùng điều kiện và sự kiện bảo hiểm. Tổng số tiền bồi thường của các doanh nghiệp bảo hiểm không vượt quá giá trị thiệt hại thực tế của xe ô tô. Việc giải quyết bồi thường thực hiện theo nguyên tắc sau:

8.1 Đối với những điều kiện bảo hiểm trùng của các Hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm: doanh nghiệp bảo hiểm chỉ chịu trách nhiệm bồi thường theo tỷ lệ giữa số tiền bảo hiểm đã thỏa thuận trên tổng số tiền bảo hiểm của tất cả các Hợp đồng Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm đã giao kết;

8.2 Đối với những điều kiện bảo hiểm không trùng nhau của các Giấy chứng nhận bảo hiểm/Hợp đồng bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm chịu trách nhiệm bồi thường theo từng Hợp đồng bảo hiểm đã ký kết.

Điều 9. Thời hạn yêu cầu bồi thường, khiếu nại và thời hiệu khởi kiện

9.1 Thời hạn yêu cầu bồi thường theo Hợp đồng bảo hiểm là một (01) năm kể từ ngày xảy ra sự kiện bảo hiểm. Thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan khác không tính vào thời hạn yêu cầu bồi thường. Nếu quá thời hạn này, mọi khiếu nại không còn giá trị.

9.2 Thời hạn khiếu nại về quyết định bồi thường của BẢO VIỆT là chín mươi (90) ngày kể từ ngày Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm nhận được thông báo bồi thường của BẢO VIỆT. Quá thời hạn nêu trên, BẢO VIỆT sẽ không giải quyết khiếu nại. Trường hợp người khiếu nại không thực hiện được quyền khiếu nại theo đúng thời hiệu vì ốm đau, thiên tai, dịch bệnh hoặc những trở ngại khách quan khác thì thời gian có trở ngại đó không tính vào thời hiệu khiếu nại.

9.3 Thời hiệu khởi kiện về Hợp đồng bảo hiểm là ba (03) năm kể từ thời điểm phát sinh tranh chấp. Quá thời hạn trên quyền khởi kiện không còn giá trị.

9.4 Mọi tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng bảo hiểm, nếu BẢO VIỆT và Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm không giải quyết được bằng thương lượng sẽ được đưa ra các cơ quan trọng tài hoặc Tòa án tại Việt Nam giải quyết.

PHẦN III: QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 10. Phạm vi bảo hiểm

10.1 BẢO VIỆT chịu trách nhiệm bồi thường cho Người được bảo hiểm những thiệt hại vật chất do thiên tai, tai nạn bất ngờ, không lường trước được trong những trường hợp sau:

10.1.1 Đâm va, lật, đổ, lệch trọng tâm, chìm, rơi toàn bộ xe; bị các vật thể khác từ bên ngoài rơi, va chạm vào;

10.1.2 Hỏa hoạn, cháy, nổ;

10.1.3 Những tai họa bất khả kháng do thiên nhiên gây ra;

10.1.4 Mất toàn bộ xe do trộm, cướp;

10.2 Ngoài số tiền bồi thường, BẢO VIỆT còn thanh toán cho Người được bảo hiểm những chi phí cần thiết và hợp lý để thực hiện các công việc theo yêu cầu và chỉ dẫn của BẢO VIỆT khi xảy ra thiệt hại thuộc phạm vi bảo hiểm, bao gồm các chi phí:

10.2.1 Chi phí ngăn ngừa hạn chế thiệt hại phát sinh thêm;

10.2.2 Chi phí cứu hộ và vận chuyển xe bị thiệt hại tới nơi sửa chữa gần nhất tối đa không vượt quá mười phần trăm (10%) số tiền bảo hiểm của xe đó.

BẢO VIỆT không chịu trách nhiệm bồi thường cho những thiệt hại do các nguyên nhân nằm ngoài các trường hợp đã liệt kê tại khoản 10.1 điều này.

Điều 11. Loại trừ trách nhiệm bảo hiểm

BẢO VIỆT không bồi thường thiệt hại trong các trường hợp sau:

11.1 Hành động cố ý gây thiệt hại của Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm, Người điều khiển xe và những người có quyền lợi liên quan đến sở hữu, khai thác và sử dụng xe;

11.2 Tại thời điểm xe ô tô xảy ra thiệt hại, xe không có Giấy chứng nhận kiểm định còn hiệu lực (Trừ trường hợp xe mới chờ đăng kiểm và không quá 30 ngày kể từ ngày bảo hiểm có hiệu lực);

11.3 Người điều khiển xe không có Giấy phép lái xe, Giấy phép lái xe hết hạn sử dụng tại thời điểm xảy ra tai nạn hoặc Giấy phép lái xe không phù hợp đối với loại xe ô tô bắt buộc phải có Giấy phép lái xe. Trường hợp Người điều khiển xe bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe có thời hạn hoặc không thời hạn thì được coi là không có Giấy phép lái xe. Không áp dụng loại trừ trách nhiệm bảo hiểm khi không có Giấy phép lái xe đối với học viên học lái xe trên xe tập lái, thi tuyển lái xe trên xe sát hạch;

11.4 Người điều khiển xe lái xe trong tình trạng có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam/100 mililít máu hoặc 0,25 miligam/1 lít khí thở; Sử dụng ma túy và chất kích thích bị cấm theo quy định của pháp luật;

11.5 Điều khiển xe vào đường ngược chiều (đi ngược chiều của đường một chiều, đi ngược chiều trên đường có biển "Cấm đi ngược chiều"); Điều khiển xe rẽ, quay đầu tại nơi bị cấm; Người điều khiển xe không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông;

Điều khiển xe ban đêm không có thiết bị chiếu sáng hoặc không bật thiết bị chiếu sáng theo quy định của pháp luật;

11.6 Đua xe (hợp pháp hoặc trái phép); Kéo xe khác không tuân thủ quy định của pháp luật;

11.7 Chở hàng hóa nguy hiểm không có Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm theo quy định của pháp luật;

11.8 Thiệt hại xảy ra ngoài lãnh thổ Việt Nam;

11.9 Thiệt hại xảy ra trong những trường hợp chiến tranh, khủng bố;

11.10 Thiệt hại do hao mòn tự nhiên hoặc do bản chất vốn có của tài sản, giảm giá trị thương mại, hỏng hóc do khuyết tật hoặc hỏng hóc thêm do sửa chữa, trong quá trình sửa chữa (bao gồm cả chạy thử);

11.11 Thiệt hại xảy ra đối với thiết bị điện, điều hoà, dụng cụ điện hay các bộ phận của thiết bị điện, điều hoà do chạy quá tải, quá áp lực, đoản mạch, tự đốt nóng, hồ quang điện hay rò điện do bất kỳ nguyên nhân nào;

11.12 Thiệt hại hệ thống điện, động cơ khi xe hoạt động trong khu vực bị ngập nước (kể cả trường hợp trong mưa, bão, lũ lụt);

11.13 Thiệt hại đối với săm lốp, bạt thùng xe, nhãn mác trừ trường hợp thiệt hại xảy ra do cùng một nguyên nhân và đồng thời với các bộ phận khác của xe trong cùng một vụ tai nạn;

11.14 Mất bộ phận của xe do bị trộm hoặc bị cướp;

11.15 Mất toàn bộ xe trong trường hợp lừa đảo hoặc lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt xe (đối với xe cho thuê hoặc xe cho mượn hoặc siết nợ hoặc tranh chấp);

11.16 Xe chở/kéo theo quá trọng tải hoặc quá số lượng người từ năm mươi phần trăm (50%) trở lên (không bao gồm trẻ em dưới 07 tuổi) theo quy định trên Giấy chứng nhận kiểm định (đối với xe chở hàng căn cứ vào trọng tải, xe chở người căn cứ vào số người chở trên xe, đối với xe vừa chở người vừa chở hàng căn cứ vào trọng tải hoặc số người chở trên xe);

11.17 Thiệt hại đối với các thiết bị lắp thêm trên xe ngoài các thiết bị của nhà sản xuất đã lắp ráp (không bao gồm các thiết bị mang tính chất bảo vệ cho xe: hệ thống báo động, cản trước, cản sau) và thiệt hại về xe ô tô do các thiết bị lắp thêm trên xe ngoài các thiết bị của nhà sản xuất đã lắp ráp gây ra trừ các thiết bị lắp thêm theo quy định.

Điều 12. Số tiền bảo hiểm và giá trị bảo hiểm (giá thị trường)

12.1 Số tiền bảo hiểm là số tiền mà Bên mua bảo hiểm yêu cầu BẢO VIỆT bảo hiểm cho xe của mình và được ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm/Đơn bảo hiểm và không lớn hơn giá thị trường của xe được bảo hiểm tại thời điểm giao kết Hợp đồng bảo hiểm (sau đây gọi tắt là "Số tiền bảo hiểm").

12.2 Bên mua bảo hiểm có thể thỏa thuận tham gia bảo hiểm bằng hoặc thấp hơn giá trị thị trường của xe được bảo hiểm.

12.3 BẢO VIỆT xác định giá trị của xe ô tô tham gia bảo hiểm như sau:

12.3.1 Đối với xe mới một trăm phần trăm (100%), giá trị của xe là giá bán xe do các hãng sản xuất trong nước công bố tại thị trường Việt Nam, hoặc giá xe nhập khẩu đã bao gồm tất cả các loại thuế theo quy định của Nhà nước.

12.3.2 Đối với xe đã qua sử dụng, giá trị của xe là Giá thị trường của xe tại thời điểm giao kết Hợp đồng bảo hiểm.

12.4 Trong mọi trường hợp số tiền bồi thường không vượt quá Số tiền bảo hiểm.

Điều 13. Giải quyết quyền lợi bảo hiểm

13.1 Bồi thường thiệt hại bộ phận:

13.1.1 BẢO VIỆT chịu trách nhiệm thanh toán chi phí thực tế hợp lý và hợp lệ để sửa chữa, thay thế bộ phận (trường hợp không thể sửa chữa đảm bảo an toàn kỹ thuật khi vận hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất); Hoặc trả bằng tiền cho Người được bảo hiểm trên cơ sở xác định được chi phí hợp lý để sửa chữa, khắc phục thiệt hại thuộc trách nhiệm bảo hiểm sau khi áp dụng mức giảm trừ, khấu trừ (nếu có). Trường hợp, BẢO VIỆT bảo lãnh thanh toán chi phí sửa xe, Người được bảo hiểm không nhận tiền bồi thường trực tiếp từ BẢO VIỆT thì BẢO VIỆT sẽ thanh toán trực tiếp cho bên sửa chữa;

13.1.2 Cách xác định Số tiền bồi thường:

a) Trường hợp xe được bảo hiểm dưới giá trị, Số tiền bồi thường sẽ được tính theo tỷ lệ giữa Số tiền bảo hiểm và Giá thị trường của xe tại thời điểm giao kết Hợp đồng bảo hiểm;

b) Trường hợp xe được bảo hiểm bằng giá trị, Số tiền bồi thường bằng chi phí hợp lý để phục hồi, sửa chữa xe bị thiệt hại. Cách xác định chi phí hợp lý cho bộ phận hư hỏng phải thay thế mới được tính bằng chi phí thay thế thực tế trừ đi số tiền khấu hao (trừ trường hợp có thỏa thuận bảo hiểm bổ sung bồi thường không áp dụng khấu hao thay mới), cụ thể như sau:

Xe sử dụng dưới ba (03) năm: khấu hao không phần trăm (0%);

- Xe sử dụng từ ba (03) đến dưới sáu (06) năm: khấu hao mười lăm phần trăm (15%) giá trị bộ phận thay mới;

- Xe sử dụng từ sáu (06) năm đến dưới mười (10) năm: khấu hao hai mươi lăm phần trăm (25%) giá trị bộ phận thay mới;

- Xe sử dụng từ mười (10) năm đến dưới mười lăm (15) năm: khấu hao ba mươi lăm phần trăm (35%) giá trị bộ phận thay mới;

- Xe sử dụng từ mười lăm (15) năm trở lên: khấu hao năm mươi phần trăm (50%) giá trị bộ phận thay mới.

13.1.3 BẢO VIỆT bồi thường chi phí sơn lại toàn bộ xe nếu trên 50% diện tích sơn của xe bị hư hỏng do tổn thất và theo nguyên tắc tính bồi thường quy định tại khoản 13.1.2a, 13.1.2b Điều 13 Quy tắc này.

13.2 Bồi thường thiệt hại toàn bộ:

13.2.1 BẢO VIỆT bồi thường thiệt hại toàn bộ trong các trường hợp:

a) Chi phí hợp lý để phục hồi, sửa chữa xe bị thiệt hại trên bảy mươi lăm phần trăm (75%) Giá trị thị trường của xe tại thời điểm, nơi xảy ra thiệt hại;

b) Xe bị mất trộm/mất cướp khi có thông báo/quyết định của cơ quan Công an đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ khởi tố hình sự liên quan đến mất trộm, mất cướp của chính chiếc xe đó.

13.2.2 Số tiền bồi thường thiệt hại toàn bộ bằng Giá trị thị trường của xe tại thời điểm, nơi xảy ra thiệt hại và không vượt quá số tiền ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm/Đơn bảo hiểm.

13.3 Thu hồi tài sản sau bồi thường:

Khi BẢO VIỆT đã bồi thường thiệt hại bộ phận hoặc toàn bộ xe thì bộ phận hư hỏng hoặc toàn bộ xe đó thuộc quyền sở hữu của BẢO VIỆT, cụ thể:

13.3.1 Đối với trường hợp bồi thường thay mới bộ phận, BẢO VIỆT sẽ thu hồi bộ phận hư hỏng đã được trả tiền bồi thường thay mới (kể cả trường hợp trừ khấu hao).

13.3.2 Đối với trường hợp bồi thường thiệt hại toàn bộ, BẢO VIỆT có quyền thu hồi tài sản bị thiệt hại sau khi đã trả tiền bồi thường. Trường hợp tham gia bảo hiểm dưới giá trị thì BẢO VIỆT thu hồi phần giá trị tương đương theo tỷ lệ tham gia bảo hiểm. Trường hợp Người được bảo hiểm yêu cầu nhận lại chiếc xe bị thiệt hại toàn bộ, BẢO VIỆT sẽ giảm số tiền bồi thường tương đương giá trị thu hồi chiếc xe bị thiệt hại theo định giá của BẢO VIỆT.

13.3.3 Đối với trường hợp bồi thường xe bị mất trộm, mất cướp sau đó tìm được xe bị mất trộm, mất cướp thì BẢO VIỆT được quyền sở hữu toàn bộ chiếc xe đó.

13.4 Nguyên tắc áp dụng giảm trừ bồi thường và khấu trừ:

Trường hợp vụ thiệt hại bị đồng thời giảm trừ tại Điều 15, khấu trừ chung tại Điều 14 và khấu trừ riêng theo quy định tại Phần IV của điều khoản bổ sung thì áp dụng khấu trừ của điều khoản bổ sung trước sau đó áp dụng giảm trừ theo Điều 15 và cuối cùng áp dụng khấu trừ chung (Điều 14) được quy định trên Giấy chứng nhận bảo hiểm/Đơn bảo hiểm.

Điều 14. Mức khấu trừ

14.1 Mức khấu trừ là số tiền được ấn định trên Giấy chứng nhận bảo hiểm/Đơn bảo hiểm mà Người được bảo hiểm phải tự gánh chịu trong mỗi và mọi vụ tổn thất bộ phận của xe tham gia bảo hiểm vật chất xe tại BẢO VIỆT.

14.2 Khi xảy ra thiệt hại thuộc trách nhiệm bảo hiểm, BẢO VIỆT sẽ thanh toán bồi thường và áp dụng Mức khấu trừ trên mỗi vụ tổn thất, cụ thể như sau:

- Thiệt hại xe nhỏ hơn hoặc bằng mức khấu trừ, BẢO VIỆT không chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại (Người được bảo hiểm tự gánh chịu thiệt hại);

- Thiệt hại trên Mức khấu trừ, thì số tiền bồi thường bảo hiểm bằng (=) thiệt hại trừ (-) Mức khấu trừ;

14.3 BẢO VIỆT áp dụng Mức khấu trừ tối thiểu là Năm trăm ngàn đồng (500.000 đồng)/vụ tổn thất. Trường hợp áp dụng Mức khấu trừ khác, Mức khấu trừ sẽ được quy định cụ thể trong Giấy chứng nhận bảo hiểm/Đơn bảo hiểm.

Điều 15. Giảm trừ bồi thường

15.1 BẢO VIỆT thực hiện giảm mức bồi thường theo tỷ lệ trong một số trường hợp sau đây:

15.1.1 Giảm mười phần trăm (10%) số tiền bồi thường trong các trường hợp khi xảy ra tai nạn Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm, Người điều khiển xe:

a) Không thông báo ngay cho BẢO VIỆT trong vòng sáu (06) giờ kể từ thời điểm xảy ra tai nạn để phối hợp và được hướng dẫn;

b) Không gửi Thông báo thiệt hại (bằng văn bản) cho BẢO VIỆT trong thời hạn năm (05) ngày kể từ ngày xảy ra thiệt hại (trừ trường hợp bất khả kháng hoặc đã được BẢO VIỆT giám định thiệt hại trong thời gian này);

c) Không thực hiện đầy đủ các biện pháp cứu chữa, hạn chế thiệt hại về người và tài sản; Không giữ nguyên hiện trường thiệt hại, tự ý di chuyển khỏi hiện trường mà chưa có ý kiến chấp thuận của BẢO VIỆT (trừ trường hợp di chuyển để đảm bảo an toàn hoặc phải thi hành theo yêu cầu của cơ quan chức năng);

d) Dừng xe nơi có biển "Cấm dừng xe và đỗ xe"; đỗ xe nơi có biển "Cấm đỗ xe" hoặc biển "Cấm dừng xe và đỗ xe"; Điều khiển xe đi vào đường đường dành riêng cho xe buýt/xe điện, đi vào đường có biển báo hiệu có nội dung cấm đi vào đối với loại phương tiện đang điều khiển (không bao gồm các biển quy định trong khoản 11.5 Điều 11 của Quy tắc này).

15.1.2 Giảm 25% số tiền bồi thường trong các trường hợp Người được bảo hiểm, Người điều khiển xe:

a) Tự ý tháo dỡ hoặc sửa chữa tài sản khi chưa có ý kiến chấp thuận của BẢO VIỆT (trừ trường hợp cần thiết để đảm bảo an toàn, đề phòng hạn chế thiệt hại về người và tài sản hoặc phải thi hành theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền);

b) Lái xe vượt quá tốc độ cho phép và có kết luận bằng văn bản của cơ quan chức năng xác định vượt quá từ hai mươi phần trăm (20%);

15.1.3 Giảm tối đa đến một trăm phần trăm (100%) số tiền bồi thường tùy theo mức độ lỗi của Người được bảo hiểm, Người điều khiển xe trong các trường hợp sau:

a) Không bảo lưu quyền khiếu nại và chuyển quyền đòi người thứ ba cho BẢO VIỆT kèm theo toàn bộ hồ sơ, các căn cứ tài liệu cần thiết, không hợp tác với BẢO VIỆT để đòi lại người thứ ba hoặc tự động thỏa thuận bồi thường với người thứ ba gây thiệt hại cho BẢO VIỆT;

b) Không trung thực trong việc cung cấp các thông tin, tài liệu, chứng từ trong hồ sơ bồi thường. Người điều khiển xe không tạo điều kiện cho cơ quan chức năng xác định nồng độ cồn trong máu hoặc khí thở;

c) Không tạo điều kiện thuận lợi cho BẢO VIỆT trong quá trình xác minh tính chân thực của các thông tin, tài liệu, chứng từ trong hồ sơ bồi thường.

15.1.4 Giảm số tiền bồi thường tương ứng với tỷ lệ phần trăm (%) chở/kéo theo quá trọng tải, số người (từ trên hai mươi phần trăm (20%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%)) theo quy định trong Giấy chứng nhận kiểm định;

15.1.5 Giảm số tiền bồi thường theo tỷ lệ giữa số phí thực nộp và số phí phải nộp theo quy định trong trường hợp:

a) Bên mua bảo hiểm kê khai/xác nhận yêu cầu bảo hiểm sai (không đúng mục đích sử dụng của xe) làm thu thiếu phí bảo hiểm so với quy định;

b) Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm không thông báo cho BẢO VIỆT trong trường hợp có sự gia tăng mức độ rủi ro bảo hiểm để bổ sung phí bảo hiểm (như chuyển đổi mục đích sử dụng, hoán cải, nâng cấp làm tăng giá xe).

15.2 Nguyên tắc giảm trừ số tiền bồi thường

Trường hợp Người được bảo hiểm bị giảm trừ số tiền bồi thường theo nhiều tỷ lệ khác nhau theo các quy định tại khoản 15.1 Điều 15 của Quy tắc này, BẢO VIỆT sẽ áp dụng duy nhất một loại giảm trừ số tiền bồi thường theo tỷ lệ cao nhất.

PHẦN IV: ĐIỀU KHOẢN BỔ SUNG

Ngoài các quy định trong Phần I, Phần II, Phần III của Quy tắc bảo hiểm này, BẢO VIỆT sẽ đưa ra thêm các điều khoản bổ sung cho Bên mua bảo hiểm lựa chọn để đáp ứng nhu cầu bảo hiểm của Bên mua bảo hiểm.

Điều khoản bổ sung chỉ áp dụng khi xe có tham gia bảo hiểm vật chất ô tô theo Quy tắc bảo hiểm này. Bên mua bảo hiểm có thể lựa chọn thêm một trong các Điều khoản bảo hiểm bổ sung và nộp phí bảo hiểm để được tăng thêm quyền lợi bảo hiểm hoặc để được giảm phí bảo hiểm.

Các điều khoản bổ sung quy định trong Phần IV của Quy tắc bảo hiểm này chỉ được áp dụng và có hiệu lực khi được quy định trong Giấy chứng nhận bảo hiểm/Đơn bảo hiểm trên cơ sở Bên mua bảo hiểm có yêu cầu và chấp nhận nộp thêm phí bảo hiểm/được giảm phí bảo hiểm. Các điều khoản bổ sung bao gồm:

Điều 16. Bảo hiểm không khấu hao thay mới (BVVC01)

Trên cơ sở yêu cầu và chấp nhận nộp phí bảo hiểm của Bên mua bảo hiểm, BẢO VIỆT đồng ý nhận bảo hiểm cho Người được bảo hiểm theo quy định sửa đổi, bổ sung như sau:

-Hủy bỏ quy định bồi thường thiệt hại bộ phận tại tiết b, điểm 13.1.2, khoản 13.1 Điều 13 của Quy tắc bảo hiểm này;

- Mở rộng phạm vi bảo hiểm: bồi thường chi phí thay thế mới theo chi phí thực tế và không áp dụng trừ khấu hao vật tư, phụ tùng thay thế mới;

Tất cả các quy định khác trong Hợp đồng bảo hiểm không thay đổi.

Điều 17. Bảo hiểm sửa chữa xe tại garage chính hãng (BVVC02)

Trên cơ sở yêu cầu và chấp nhận nộp phí của Bên mua bảo hiểm, xe bị thiệt hại vật chất được sửa chữa tại Xưởng (garage) chính hãng (sửa chữa tại garage được ủy quyền của hãng sản xuất).

BẢO VIỆT không nhận bảo hiểm theo điều khoản Bảo hiểm sửa chữa xe tại garage chính hãng đối với các xe có thời gian sử dụng trên 10 năm tính đến thời điểm giao kết Hợp đồng.

Tất cả các quy định khác trong Hợp đồng bảo hiểm không thay đổi.

Điều 18. Bảo hiểm xe bị ngập nước (BVVC03)

Trên cơ sở yêu cầu và chấp nhận nộp phí của Bên mua bảo hiểm, BẢO VIỆT nhận bảo hiểm thiệt hại vật chất ô tô theo những quy định sửa đổi, bổ sung như sau:

- Hủy bỏ quy định loại trừ hư hỏng về điện hoặc động cơ do xe hoạt động trong vùng ngập nước tại khoản 11.12 Điều 11 Quy tắc bảo hiểm này;

- Mở rộng nhận bảo hiểm trong trường hợp xe ô tô bị thiệt hại động cơ hoặc hư hỏng về điện do ngập nước sẽ được BẢO VIỆT bồi thường;

- Mức khấu trừ/vụ áp dụng riêng cho điều khoản ngập nước là mười phần trăm (10%) số tiền bồi thường và không thấp hơn ba triệu đồng (3.000.000 đồng).

Tất cả các quy định khác trong Hợp đồng bảo hiểm không thay đổi.

Điều 19. Bảo hiểm mất cắp bộ phận (BVVC04):

Trên cơ sở yêu cầu và chấp nhận nộp phí của Bên mua bảo hiểm, BẢO VIỆT đồng ý nhận bảo hiểm theo quy định sửa đổi bổ sung như sau:

- Hủy bỏ quy định loại trừ mất cắp bộ phận xe tại khoản 11.14, Điều 11 Quy tắc bảo hiểm vật chất ô tô;

- Mở rộng phạm vi bảo hiểm: BẢO VIỆT nhận bảo hiểm và chịu trách nhiệm bồi thường cho Người được bảo hiểm những thiệt hại bộ phận gắn liền với xe theo thiết kế của nhà sản xuất (không bao gồm chìa khóa xe, remote điều khiển) do bị mất cắp, mất cướp. Giới hạn số lần mất cắp, mất cướp không vượt quá:

+ Hai (02) vụ đối với các Hợp đồng bảo hiểm có thời hạn từ mười hai (12) tháng đến mười tám (18) tháng (không nhận bảo hiểm mất cắp bộ phận cho các Hợp đồng bảo hiểm dưới mười hai (12) tháng);

+ Ba (03) vụ đối với các Hợp đồng bảo hiểm có thời hạn trên mười tám (18) tháng;

- Mức khấu trừ áp dụng riêng cho điều khoản mất cắp bộ phận là hai mươi phần trăm (20%) số tiền bồi thường và không thấp hơn hai triệu đồng (2.000.000 đồng)/vụ.

Khi bộ phận xe ô tô bị mất cắp, Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm phải thông báo ngay (trong vòng 24 giờ) cho cơ quan Công an và BẢO VIỆT được biết để xử lý và thực hiện các công việc theo hướng dẫn của cơ quan Công an và BẢO VIỆT; cung cấp cho BẢO VIỆT đơn trình báo mất cắp, mất cướp với cơ quan Công an có xác nhận của cơ quan Công an.

Tất cả các quy định khác trong Hợp đồng bảo hiểm không thay đổi.

Điều 20. Bảo hiểm thanh toán chi phí thuê xe (BVVC05)

Trên cơ sở yêu cầu và chấp nhận nộp phí của Bên mua bảo hiểm, BẢO VIỆT đồng ý thanh toán chi phí thuê xe ô tô để sử dụng trong thời gian xe sửa chữa do tai nạn thuộc trách nhiệm bảo hiểm, cụ thể:

- BẢO VIỆT trả tiền thuê xe taxi để đi lại trong thời gian xe phải sửa chữa do tai nạn (có biên lai taxi theo ngày sử dụng thực tế và hóa đơn thuế giá trị gia tăng thể hiện tổng số tiền trong cả đợt thuê xe). Hoặc:

- Hóa đơn thuế giá trị gia tăng của bên cho thuê xe trong thời gian xe phải sửa chữa do tai nạn;

- Trong mọi trường hợp tổng số tiền bồi thường không vượt quá số tiền bảo hiểm trên ngày và số tiền bảo hiểm trên vụ;

- Mức khấu trừ trên vụ áp dụng đối với điều khoản Thanh toán chi phí thuê xe bằng Số tiền bảo hiểm trên ngày nhân với 03 ngày;

Tất cả các quy định khác trong Hợp đồng bảo hiểm không thay đổi.

Điều 21. Bảo hiểm bồi thường theo giới hạn trách nhiệm (BVVC06)

Trên cơ sở yêu cầu và chấp nhận nộp phí của Bên mua bảo hiểm, BẢO VIỆT đồng ý nhận bảo hiểm cho Người được bảo hiểm theo quy định sửa đổi, bổ sung như sau:

- Hủy bỏ quy định bồi thường thiệt hại bộ phận quy định tại tiết a, điểm 13.1.2, khoản 13.1 Điều 13 Quy tắc bảo hiểm này;

- Mở rộng phạm vi bảo hiểm: Xe được bảo hiểm theo điều khoản "Bảo hiểm theo giới hạn trách nhiệm" được hiểu là xe ô tô được bảo hiểm với số tiền bảo hiểm thấp hơn giá thị trường. Nhưng khi xảy ra thiệt hại thuộc phạm vi bảo hiểm được bồi thường như xe tham gia đúng giá trị thực tế (đối với thiệt hại bộ phận) và bồi thường theo số tiền bảo hiểm (đối với thiệt hại toàn bộ);

- Trong mọi trường hợp Số tiền bồi thường không vượt quá số tiền bảo hiểm ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm/Đơn bảo hiểm.

Tất cả các quy định khác trong Hợp đồng bảo hiểm không thay đổi.

Điều 22. Bảo hiểm thiệt hại xảy ra ngoài lãnh thổ Việt Nam (BVVC07)

Trên cơ sở yêu cầu và chấp nhận nộp phí của Bên mua bảo hiểm, BẢO VIỆT đồng ý nhận bảo hiểm theo quy định sửa đổi bổ sung như sau:

- Hủy bỏ quy định loại trừ tai nạn xảy ra ngoài lãnh thổ Việt Nam tại khoản 11.8, Điều 11 Quy tắc bảo hiểm này;

- Mở rộng phạm vi bảo hiểm: BẢO VIỆT nhận bảo hiểm và chịu trách nhiệm bồi thường cho những thiệt hại xảy ra ngoài lãnh thổ Việt Nam và trong phạm vi các nước Trung Quốc, Lào, Campuchia, Thái Lan.

Tất cả các quy định khác trong Hợp đồng bảo hiểm không thay đổi.

Điều 23.Các điều khoản bổ sung khác

Ngoài các điều khoản bổ sung trên, Bên mua bảo hiểm và BẢO VIỆT có thể thoả thuận bảo hiểm bằng văn bản theo các điều khoản bảo hiểm riêng (như: đua xe hợp pháp, xe tập lái, mở rộng bảo hiểm thiết bị chuyên dùng ...), trên cơ sở chấp thuận của BẢO VIỆT và theo nguyên tắc mở rộng phạm vi sẽ tăng phí, thu hẹp phạm vi sẽ giảm phí./.

TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO VIỆT

Nguyễn Xuân Việt